

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **135/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 27-11-2019

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Hoàng Huy.

Ông Phạm Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Lễ – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị L, sinh năm 1987 (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp 10, xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng C.

Trụ sở: Số 68, T, Đ, Hà Nội.

- Đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng C – Chi nhánh huyện M: Chị Phạm Thị Thanh D là Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13-9-2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ

Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị L và anh Nguyễn Văn U tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân 2004 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau ngày 23-9-2005. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh U không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc cho gia đình, thường xuyên uống rượu về đánh đập, chửi mắng chị L. Vợ chồng ly thân năm 2016 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh U.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Văn S (nam), sinh ngày 23-12-2005 và Nguyễn Anh N (nam), sinh ngày 13-5-2007 hiện nay anh U đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L giao hai con chung cho anh U tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 19-11-2019, anh Nguyễn Văn U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống có xảy ra cự cãi, sau đó chị L bỏ đi đến nay. Nay anh U đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Có 02 người con chung hiện nay anh U đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng các con, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Anh U thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng C - Chi nhánh huyện M 10.000.000 đồng. Anh U yêu cầu mỗi người có nghĩa vụ trả ½ khoản vay nếu Ngân hàng có yêu cầu thanh toán.

Tại văn bản ngày 11-11-2019, Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M trình bày: Ngày 21-8-2015 hộ gia đình chị Võ Thị L và anh Nguyễn Văn U có vay vốn tại Ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 0,55%/tháng, trả lãi theo tháng, trả nợ gốc theo phân kỳ, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 12-01-2020 do anh U đứng tên trên hồ sơ vay vốn. Tính đến ngày 13-11-2019, anh U còn nợ lại Ngân hàng tổng số tiền 10.392.385 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu tất toán hợp đồng vay, đồng thời Ngân hàng đề nghị không tham gia hòa giải và xét xử cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại văn bản ngày 04-11-2019, thể hiện: Cháu S có nguyện vọng tiếp tục sống chung với anh U, cháu N muốn sống cùng với chị L.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự. Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463, 468 Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị L ly hôn với anh Nguyễn Văn U. Giao con chung là Văn S và Anh N cho anh U tiếp tục nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp

đưỡng nuôi con. Buộc chị L và anh U mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 13-11-2019 với số tiền 5.196.193 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn U và Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện M đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị L và anh Nguyễn Văn U tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND N, huyện M, tỉnh Cà Mau ngày 23-9-2005 đúng theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh U được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, thấy rằng: Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh U. Tại văn bản ngày 19-11-2019, anh U thống nhất ly hôn với chị L. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là trên tinh thần tự nguyện, không trái với quy định pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh U.

[4] Về nuôi con chung: Tại văn bản ngày 19-11-2019, anh U yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung. Tại phiên tòa, chị L yêu cầu nuôi cháu N và thống nhất giao cháu S cho anh U tiếp tục nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị L là phù hợp với ý chí, nguyện vọng của các con chung và đảm bảo các điều kiện nuôi con chung sau khi ly hôn của chị L và anh U nên được chấp nhận. Chị L và anh U không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Tài sản chung: Chị L và anh U thống nhất xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Nợ chung: Tại phiên tòa, chị L thống nhất xác định khoản vay Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện M 10.000.000 đồng vào ngày 21-8-2015 là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Chị Võ Thị L xác định vốn vay 10.000.000 đồng, lãi suất 0,55%/tháng, trả lãi theo tháng, trả nợ gốc theo phân kỳ, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 12-01-2020 do anh U đứng tên trên hồ sơ vay vốn. Tính đến ngày 13-11-2019, anh U còn nợ lại Ngân hàng tổng số tiền 10.392.385 đồng. Nay chị L đồng ý theo đề nghị của anh U tại văn bản ghi lời khai ngày 19-11-2019 mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng vốn và lãi tính đến ngày 13-11-2019 với số tiền 5.196.193 đồng. Sự thống nhất nghĩa vụ trả nợ của chị L và anh U là phù hợp với đề nghị của Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện M nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Võ Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu; chị L và anh U mỗi người phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch

300.000 đồng đối với khoản nợ phải trả cho Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị L ly hôn với anh Nguyễn Văn U.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Văn S (nam), sinh ngày 23-12-2005 cho anh Nguyễn Văn U tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Nguyễn Anh N (nam), sinh ngày 13-5-2007 cho chị Võ Thị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Võ Thị L và anh Nguyễn Văn U không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Nợ chung: Buộc chị Võ Thị L và anh Nguyễn Văn U mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện M vốn và lãi tính đến ngày 13-11-2019 với số tiền 5.196.193 đồng (Trong đó: Vốn vay: 5.000.000 đồng, lãi suất: 196.193 đồng) và khoản lãi phát sinh kể từ ngày 14-11-2019 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Đối với khoản tiền phải thanh toán. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí:

Chị Võ Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 13 tháng 9 năm 2019, chị L đã dự nộp án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0004585 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Chị Võ Thị L và anh Nguyễn Văn U mỗi người phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Võ Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn U và Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- UBND xã N, huyện M
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Minh Út